

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Diệu

Ông Doãn Văn Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 582/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 238/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị H, sinh năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 9, xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn 10, xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà M - Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm nhiệm Hữu hạn Dragon thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bị đơn: Anh K, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn 9, xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 6 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18 tháng 7 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị H trình bày:

Chị kết hôn với anh K vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng ngày 28 tháng 02 năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh K tại thôn 9, xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong việc nuôi dạy con. Mặt khác anh K nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh K đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn 10, xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng sống từ tháng 5 năm 2019 và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung tên Đ, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2012 và H, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2015. Hiện nay 02 con chung đang ở cùng với anh K và bố mẹ đẻ anh K tại thôn 9, xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung tên H, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2015 cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, còn giao con chung tên Đ, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2012 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh K có tài sản chung gồm 01 xe máy SH 125 màu trắng, biển kiểm soát 15B2.522-18 đứng tên chủ sở hữu là chị H; 01 máy xúc màu vàng loại 55W (bán lốp); 01 ô tô tải biển kiểm soát 14N.046-23; ½ máy xúc màu xanh (bán xích) và ½ ô tô biển kiểm soát 34L.2777 mua chung với anh C, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 10, xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng. Về vay nợ chung: Chị và anh K có vay của Ngân hàng N - Chi nhánh Kỳ Sơn số tiền 200.000.000 đồng và vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung chị đã yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản và số tiền vay nợ khi ly hôn đối với anh K nhưng đến ngày 07 tháng 10 năm 2019 chị đã có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn đối với anh K. Nay chị đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản và số tiền vay nợ chung. Nếu không tự thỏa thuận phân chia được thì sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 8 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh K trình bày:

Anh kết hôn với chị H vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh ở thôn 9, xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau về mặt tình cảm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị H đã được hai bên gia đình

hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị H đã tự ý bỏ nhà đi từ tháng 5 năm 2019 và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn anh, anh khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung tên Đ, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2012 và H, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2015. Hiện nay 02 con chung đang ở cùng với anh và bố mẹ đẻ anh tại thôn 9, xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết giao cả 02 con chung tên Đ, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2012 và H, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2015 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị H có tài sản chung gồm 01 xe máy SH 125 màu trắng, biển kiểm soát 15B2.522-18 đứng tên chủ sở hữu là chị H; ½ máy xức màu xanh (bánh xích) và ½ ô tô biển kiểm soát 34L.2777 mua chung với anh C, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 10, xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng. Về vay nợ chung: Anh và chị H có vay của Ngân hàng N - Chi nhánh Kỳ Sơn số tiền 200.000.000 đồng và vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và vay nợ chung. Nếu không tự thỏa thuận phân chia được thì sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là bà M trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị H, giao con chung tên H, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là chị H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh K chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị H. Về hôn nhân: Cho chị H được ly hôn anh K. Về con chung: Giao con chung tên H, sinh

ngày 31 tháng 8 năm 2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, giao con chung tên Đ, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2012 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh K không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và vay nợ chung: Đình chỉ xét xử phần yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của chị H. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, trả lại chị H số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung là 16.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng ngày 28 tháng 02 năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chị H và anh K chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong việc nuôi dạy con, do anh K nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Anh K thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau về mặt tình cảm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Tài liệu xác minh có trong hồ sơ vụ án thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh K do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau về mặt tình cảm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng giữa chị H và anh K đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng chị H và anh K đã sống ly thân nhau từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Như vậy thể hiện hôn nhân giữa chị H và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị H khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K. Anh K khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Xét việc thuận tình ly hôn của chị H và anh K là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị H và anh K có 02 con chung tên Đ, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2012 và H, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2015. Khi ly hôn chị H yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung tên H, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2015 cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, còn giao con chung tên Đ, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2012 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K yêu cầu Tòa án giải quyết giao 02 con chung Đ, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2012 và H, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2015 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Xét chị H có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và có nơi ở; anh K làm nghề lao

động tự do và có nơi ở ổn định nên đều có điều kiện và khả năng nuôi con. Mặt khác cháu H còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung tên H, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung tên Đ, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2012 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị H và anh K thống nhất vợ chồng có tài sản chung gồm 01 xe máy SH 125 màu trắng, biển kiểm soát 15B2.522-18 đứng tên chủ sở hữu là chị H; ½ máy xúc màu xanh (bánh xích) và ½ ô tô biển kiểm soát 34L.2777 mua chung với anh C, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 10, xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng. Về vay nợ chung: Chị H và anh K thống nhất vợ chồng có vay của Ngân hàng N - Chi nhánh Kỳ Sơn số tiền 200.000.000 đồng và vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung ngày 18 tháng 7 năm 2019 chị H đã yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và vay nợ chung nhưng đến ngày 07 tháng 10 năm 2019 chị H có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn đối với anh K. Nay chị H và anh K thống nhất đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và vay nợ chung, nếu không tự thỏa thuận phân chia được thì sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau. Mặt khác Ngân hàng N và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền mà chị H và anh K vay trong vụ án này, còn anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh C vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của chị H đối với tài sản là ½ máy xúc màu xanh (bánh xích) và ½ ô tô biển kiểm soát 34L.2777 mà vợ chồng chị H, anh K mua chung với anh C. Xét thấy việc rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của chị H là tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của chị H, nếu các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết việc chia tài sản và vay nợ bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn nên không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã rút, trả lại chị H số tiền tạm ứng chia tài sản là 16.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh K.

2. Về con chung: Giao con chung tên H, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao con chung tên Đ, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2012 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh K không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của chị H, nếu các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết việc chia tài sản và vay nợ bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002809 ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố Hải Phòng, chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại chị H số tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002808 ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố Hải Phòng

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thu Hiền

